

**HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

**QUYẾT ĐỊNH** của Hội đồng Bộ trưởng số 56-HĐBT ngày 10-5-1986 về việc thành lập thị trấn Nhà Bàng thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

**HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

*Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18-12-1980;*

*Căn cứ điều 16 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;*

*Căn cứ Quyết định số 214-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 21-11-1970;*

*Căn cứ Quyết định số 64b-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12-9-1981;*

*Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang và Ban Tổ chức của Chính phủ,*

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.**— Thành lập thị trấn Nhà Bàng (thị trấn huyện lỵ huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang) trên cơ sở 227,5 héc-ta diện tích tự nhiên với 4.673 nhân khẩu của xã Thới Sơn và 311,5 héc-ta diện tích tự nhiên với 2.548 nhân khẩu của xã Nhơn Hưng cùng huyện.

Thị trấn Nhà Bàng có tổng diện tích tự nhiên 539 héc-ta với 7221 nhân khẩu.

Địa giới thị trấn Nhà Bàng ở phía đông giáp xã Nhơn Hưng và xã Thới Sơn; phía tây giáp xã An Phú; phía nam giáp xã Thới Sơn; phía bắc giáp xã Nhơn Hưng.

— Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Thới Sơn còn 1.762,5 héc-ta diện tích tự nhiên với 4.334 nhân khẩu.

Địa giới xã Thới Sơn ở phía đông giáp thị xã Châu Đốc; phía tây giáp xã An Phú; phía nam giáp xã Thới Thuận; phía bắc giáp thị trấn Nhà Bàng và xã Nhơn Hưng.

— Xã Nhơn Hưng còn 2.328 héc-ta diện tích tự nhiên với 3.547 nhân khẩu.

Địa giới xã Nhơn Hưng ở phía đông giáp thị xã Châu Đốc; phía tây giáp xã An Phú; phía nam giáp thị trấn Nhà Bàng và xã Thới Sơn; phía bắc giáp nước Cộng hòa nhân dân Căm-pu-chia.

**Điều 2.**— Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang và Ban Tổ chức của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thừa ủy quyền của Hội đồng Bộ trưởng  
Bộ trưởng Tổng thư ký  
**ĐOÀN TRỌNG TRUYỀN**

**QUYẾT ĐỊNH** của Hội đồng Bộ trưởng số 58 - HĐBT ngày 14-5-1986 về việc điều chỉnh địa giới hành chính của các phường thuộc đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo.

**HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

*Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18-12-1980;*

*Căn cứ điều 16 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;*

*Căn cứ Quyết định số 214-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 21-11-1970;*

*Căn cứ Quyết định số 64b-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12-9-1981;*

*Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và Ban Tổ chức của Chính phủ,*

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.**— Nay điều chỉnh địa giới hành chính của các phường thuộc đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo như sau:



1. Sáp nhập 4 tổ dân phố với 633 nhân khẩu của phường Thăng Tam vào phường Châu Thành; chia phường Châu Thành thành 2 phường lấy tên là phường 1 và phường 4.

a) Phường 1 có 25 tổ dân phố với 9.605 nhân khẩu.

Địa giới phường 1 ở phía đông giáp phường 2, phường 3 và phường 4; phía tây và phía nam giáp biển Đông; phía bắc giáp phường 5 và phường 6.

b) Phường 4 có 29 tổ dân phố với 11.193 nhân khẩu.

Địa giới phường 4 ở phía đông giáp phường 3 và phường 7; phía tây giáp phường 1; phía nam giáp phường 1 và phường 3; phía bắc giáp phường 6 và phường 7.

2. Sáp nhập 33 tổ dân phố với 4.543 nhân khẩu của phường Thăng Nhất; 5 tổ dân phố với 1.432 nhân khẩu của phường Thăng Tam vào phường Thăng Nhì; chia phường Thăng Nhì thành 4 phường lấy tên là phường 5, phường 6, phường 7 và phường 9.

a) Phường 5 có 45 tổ dân phố với 6.495 nhân khẩu.

Địa giới phường 5 ở phía đông giáp phường 6 và phường 9; phía tây và phía bắc giáp biển Đông; phía nam giáp phường 1 và phường 6.

b) Phường 6 có 61 tổ dân phố với 8.566 nhân khẩu.

Địa giới phường 6 ở phía đông giáp phường 7 và phường 9; phía tây giáp phường 5; phía nam giáp phường 1, phường 4 và phường 7; phía bắc giáp phường 5 và phường 9.

c) Phường 7 có 44 tổ dân phố với 7.357 nhân khẩu.

Địa giới phường 7 ở phía đông giáp phường 8 và phường 9; phía tây giáp phường 4 và phường 6; phía nam giáp phường 3, phường 4 và phường 8; phía bắc giáp phường 6 và phường 9.

d) Phường 9 có 40 tổ dân phố với 5.055 nhân khẩu.

Địa giới phường 9 ở phía đông giáp phường 10; phía tây giáp phường 5, phường 6 và phường 7; phía nam giáp phường 7 và phường 8; phía bắc giáp biển Đông.

3. Chia phường Thăng Tam thành 3 phường lấy tên là phường 2, phường 3 và phường 8.

a) Phường 2 có 52 tổ dân phố với 7.821 nhân khẩu.

Địa giới phường 2 ở phía đông giáp biển Đông; phía tây giáp phường 1 và phường 3; phía nam giáp phường 1 và biển Đông; phía bắc giáp phường 3 và phường 8.

b) Phường 3 có 58 tổ dân phố với 8.545 nhân khẩu.

Địa giới phường 3 ở phía đông và phía nam giáp phường 2; phía tây giáp phường 1 và phường 4; phía bắc giáp phường 4, phường 7 và phường 9.

c) Phường 8 có 23 tổ dân phố với 3.913 nhân khẩu.

Địa giới phường 8 ở phía đông giáp phường 10; phía tây giáp phường 3 và phường 7; phía nam giáp phường 2; phía bắc giáp phường 9.

4. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, đổi tên phường Thăng Nhất thành phường 10, phường 10 có 76 tổ dân phố với 6.744 nhân khẩu.

Địa giới phường 10 ở phía đông giáp biển Đông và phường Phước Thắng; phía tây giáp phường 8 và phường 9; phía nam giáp phường 8, phường 9 và biển Đông; phía bắc giáp biển Đông và sông Dinh.

Đổi tên phường Phước Thắng thành phường 11.

Sau khi điều chỉnh lại địa giới hành chính, đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo có 11 phường.

Điều 2. — Ủy ban Nhân dân đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo và Ban Tổ chức của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thừa ủy quyền của Hội đồng Bộ trưởng

Bộ trưởng Tổng thư ký  
ĐOÀN TRỌNG TRUYỀN